

Số: /BC-UBND

Bằng Phúc, ngày 07 tháng 6 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **V/v thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024**

Thực hiện Văn bản số 480/UBND-NV ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc thực hiện báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024. Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc báo cáo với những nội dung sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**Về xây dựng, triển khai kế hoạch CCHC:** UBND xã đã ban hành quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2024, quyết định ban hành kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2024. Xác định đầy đủ 06 nhiệm vụ trọng tâm của công tác CCHC năm 2024.

**Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC:** Lãnh đạo UBND xã chú trọng chỉ đạo điều hành công tác CCHC tại đơn vị, quán triệt chỉ đạo lồng ghép trong cuộc họp giao ban tháng, họp khối cán bộ công chức và đơn đốc thường xuyên đối với cán bộ trực Bộ phận một cửa đơn vị.

#### **Về kiểm tra cải cách hành chính:**

Đơn vị tự kiểm tra chủ yếu qua hình thức: Công chức tham mưu thực hiện CCHC tại đơn vị tự kiểm tra, đơn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm và qua sự theo dõi, quản lý chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo UBND.

#### **Về công tác tuyên truyền CCHC:**

UBND đang xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC, xác định các nội dung, hình thức tuyên truyền và giao từng ban, ngành liên quan triển khai thực hiện.

Tổ chức tuyên truyền công tác CCHC tại các Hội nghị ở xã, trên hệ thống Đài truyền thanh của xã, tại các cuộc họp ở thôn, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã được 05 tin bài. Mục đích của việc tuyên truyền tạo được sự quan tâm và nâng cao nhận thức của cán bộ và các tầng lớp nhân dân trên toàn xã về phong cách, lề lối làm việc theo cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính. Nội dung tuyên truyền theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, huyện và hoạt động cải cách hành chính, chuyển đổi số tại địa phương.

**Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao:** UBND xã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 về việc giao nhiệm vụ Cải cách hành chính năm 2024 cụ thể giao nhiệm vụ cho từng cán bộ công chức chuyên môn thuộc các lĩnh vực phụ trách về công tác cải cách hành chính.

**Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị:** Trong 6 tháng đầu năm 2024 cũng chưa có những sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

UBND xã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 (Kế hoạch số 03a/KU-UBND ngày 11/01/2024). Trong 6 tháng đầu năm 2024 đơn vị chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

UBND xã xây dựng và ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã năm 2024 (Kế hoạch số 06a/KH-UBND ngày 07/02/2024).

Kết quả kiểm tra văn bản QPPL: 0

Kết quả rà soát văn bản QPPL: 0

Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 theo chỉ đạo của UBND huyện. Tiến độ: Đang thực hiện.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của UBND xã về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024. Tổng số thủ tục hành chính cấp xã được rà soát là 16 thủ tục. Qua rà soát có 02 thủ tục đề nghị cấp trên phê duyệt phương án đơn giản hóa.

Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị. Số lượng TTHC cấp xã là 143 TTHC.

*Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:*

Bộ phận một cửa thực hiện tiếp nhận và trả kết quả đúng quy trình, thời gian giải quyết hồ sơ được đảm bảo theo quy định, không có hồ sơ tồn đọng lâu dài.

Về diện tích của phòng một cửa đảm bảo theo quy định, trang thiết bị của Bộ phận và trả kết quả hiện nay đã bố trí đầy đủ máy tính, máy scan cho các bộ phận chuyên môn trong thực hiện tiếp công dân.

Về nhân sự: Phân công công chức trực thường xuyên vào các ngày trong tuần, số công chức trực tại bộ phận một cửa là 6 công chức, trong quá trình giải quyết công việc các bộ phận đều phối hợp với nhau trong thực hiện nhiệm vụ.

Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC. Ủy ban nhân xã đang triển khai thực hiện đối với các thủ tục thuộc các lĩnh vực. Tổng số hồ sơ được số hóa trong 6 tháng đầu năm là 62/79 hồ sơ thủ tục hành chính = 70,89%.

Kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã từ ngày 15/12/2023 đến ngày thời điểm báo cáo: Tổng số hồ sơ tiếp nhận là: 79 hồ sơ, trong đó:

+ Tiếp nhận trực tiếp: 45 hồ sơ;

+ Tiếp nhận trực tuyến: 34 hồ sơ;

Tổng số hồ sơ đã trả kết quả: 79 hồ sơ (có 04 hồ sơ trả quá hạn);

Tổng số hồ sơ chưa trả kết quả: 0 hồ sơ.

Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC. Trong 6 tháng đầu năm 2024, đơn vị không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

Nhìn chung, việc giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã thực hiện theo đúng quy định, đa số hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn, không có hồ sơ tồn đọng gây bức xúc trong nhân dân. Cán bộ công chức thực hiện một cửa tiếp dân chu đáo tận tình, không gây phiền hà những nhiều nhân dân.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:**

UBND duy trì thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh, huyện; duy trì thực hiện quy chế hoạt động của đơn vị, việc bố trí cán bộ công chức phù hợp vị trí việc làm, cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo bộ máy đơn vị tinh gọn, số lượng cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định (xã loại II). Hiện tổng số cán bộ công chức đơn vị 20 người.

### **4. Cải cách chế độ công vụ:**

Đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND xã được bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn, chức danh theo quy định. Thường xuyên đôn đốc đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành nội quy, quy định của đơn vị. UBND định kỳ cử cán bộ công chức tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch do cấp trên tổ chức.

### **5. Cải cách tài chính công**

UBND chú trọng triển khai và thực hiện các văn bản về công tác tài chính; kịp thời ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị năm 2024 (Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 08/01/2024). Ban hành quy chế quản lý tài sản năm 2024 (QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 08/01/2024).

Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước: 6 tháng đầu năm 2024 kết quả thu chi ngân sách trên địa bàn xã:

Thu ngân sách trên địa bàn xã: 137.006.824đ/350.000.000đ = 39,3%

Chi ngân sách:  $2.501.795.305đ / 11.555.885.000đ = 21,64\%$  kế hoạch

*Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công:* Đến thời điểm báo cáo chưa có.

Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trong 6 tháng đầu năm 2024 đơn vị không có các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Thực hiện theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan): Đơn vị thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên và quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng của đơn vị.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử:**

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: Đầu năm 2024 Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 31/01/2024 về chuyển đổi số năm 2024. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể cán bộ công chức xã.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Các trang thiết bị phục vụ cho hội nghị trực tuyến tại cấp xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên do đường truyền chưa ổn định nên nhiều lúc còn mất tín hiệu.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Tuyên truyền hoạt động chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ, công chức, áp dụng có hiệu quả vào công tác quản lý như: phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; công dịch vụ công trực tuyến....

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Các văn bản tài liệu được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện tốt, việc gửi và nhận văn bản qua phần mềm quản lý hồ sơ công việc (trừ văn bản mật) trên môi trường mạng đạt đến 100%, 100% các văn bản trao đổi trên môi trường mạng được ký số.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: Trang thông tin điện tử của xã được nâng cấp và cập nhật tin tức thường xuyên, đảm bảo thông tin phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo, điều hành của xã, cung cấp và phổ biến thông tin đầy đủ các chuyên mục cần thiết để phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ công một phần và toàn trình: Sử dụng dịch vụ công mang lại nhiều lợi ích thiết thực, giúp cơ quan, người dân và doanh nghiệp thực hiện các TTHC trên nhiều lĩnh vực một cách thuận tiện vì vậy thời gian qua xã đã tích cực đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ công một phần và toàn trình và mang lại nhiều kết quả. Khi tham gia sử dụng dịch vụ công các tổ

chức, cá nhân đã tiết kiệm nhiều thời gian, chi phí đi lại rất nhiều. Công dịch vụ công trực tuyến đáp ứng chức năng, yêu cầu kỹ thuật và cung cấp đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần và toàn trình theo danh mục đã được phê duyệt.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### ***Ưu điểm:***

Công tác CCHC được sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng, chính quyền trong triển khai và thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại đơn vị; kịp thời triển khai các kế hoạch công tác kiểm soát TTHC, rà soát quy định TTHC. UBND chỉ đạo phân công công chức chuyên môn duy trì trực, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng thời hạn cho công dân; việc thu phí, lệ phí theo quy định,... Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc đã giúp cán bộ, công chức chủ động trong nhận và gửi văn bản nội bộ, giữa cơ quan, đơn vị với các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tiết kiệm kinh phí văn phòng phẩm,....

#### ***2. Hạn chế:***

Nguồn nhân lực đáp ứng cho việc ứng dụng CNTT tại đơn vị còn hạn chế (không có cán bộ công chức có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực CNTT, chủ yếu là có chứng chỉ tin học văn phòng phục vụ công tác).

Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần và toàn trình có phát sinh nhưng số hồ sơ chưa cao. Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử còn thấp do người dân không có nhu cầu. Nguyên nhân do trình độ nhận thức của người dân, cũng như chưa thay đổi thói quen sử dụng các dịch vụ.

Công tác chỉ đạo xây dựng sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ gắn với công tác CCHC được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, việc tìm tòi, áp dụng những sáng kiến giải pháp của cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị địa phương còn hạn chế.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

1. UBND xã phối hợp các đoàn thể tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung CCHC của các cấp đến toàn thể cán bộ, công chức, đảng viên, nhân dân tại địa phương; chỉ đạo các ban ngành liên quan tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch.

2. Chỉ đạo công chức duy trì trực bộ phận một cửa, thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công dân theo quy định; xây dựng báo cáo định kỳ CCHC (6 tháng) đảm bảo nội dung, thời gian; duy trì thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trên phần mềm trong giải quyết TTHC cho công dân.

3. Tiếp tục thực hiện nghiêm ngặt, công khai danh mục TTHC được cấp có thẩm quyền ban hành tại bộ phận một cửa; thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết dứt điểm đơn thư phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan đến quy định TTHC.

4. UBND cử cán bộ, công chức thực hiện tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn theo kế hoạch các cấp tổ chức.

5. Chuẩn bị hồ sơ phục vụ đoàn công tác kiểm tra CCHC tại đơn vị (nếu có).

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không có**

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC 6 tháng đầu năm 2024 của UBND xã Bằng Phúc./.

(Kèm theo biểu báo cáo)

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Phòng Nội vụ huyện; (B/c)

*Gửi bản giấy:*

- TT Đảng ủy xã;

- TT HĐND xã;

- Lãnh đạo UBND xã;

- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thái**

**Phụ lục II**

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 07/6/2024 của UBND xã)

TT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
.1	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	3	
.2	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	50	
.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	45	
.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
.3	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC (Quyết định giao nhiệm vụ CCHC đầu năm)</b>			
	Ban hành Quyết định giao nhiệm vụ CCHC	Quyết định	1	
.4	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b>			
.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ		
	UBND huyện	Nhiệm vụ		
.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ		
	UBND huyện	Nhiệm vụ		
.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ		

TT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	UBND huyện	Nhiệm vụ		
.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ		
	UBND huyện	Nhiệm vụ		
<b>.5</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>			
.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp	0	
<b>.6</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Có/không		
	<b>Cải cách thể chế</b>			
<b>.1</b>	<b>Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành</b>	Văn bản	<b>0</b>	
<b>.2</b>	<b>Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền</b>	Văn bản	<b>0</b>	
.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
<b>.3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	<b>0</b>	
.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		



TT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>				
<b>.1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	143	
	<i>Số TTHC cấp xã</i>	<i>Thủ tục</i>	143	
<b>.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục		
.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>.3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	79	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	79	
.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	79	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	79	

TT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>.4</b>	<b>Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC</b>	%		
.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
<b>.1</b>	<b>Số liệu về cán bộ</b>	<b>Người</b>	10	
.1.1	Tổng số cán bộ có mặt	Người	10	
.1.2	Số cán bộ đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
.1.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>.2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>	Người	10	
.2.1	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10	
.2.2	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
.2.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
.2.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>.2</b>	<b>Tổng số người làm việc không chuyên trách</b>	<b>Người</b>		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	9	
	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>.1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
.1.1	Vị trí việc làm của cán bộ, công chức			
.1.2	Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	

TT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>.2</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyên chọn, bổ nhiệm thông qua bầu cử, phê chuẩn</b> <i>(lũy kế từ đầu năm)</i>			
.2.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	0	
.2.2	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lại	Người	0	
<b>.4</b>	<b>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức</b> <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>			
	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người	0	
<b>Cải cách tài chính công</b>				
<b>.1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		<i>Cấp huyện báo cáo</i>
.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử</b>				
<b>.1</b>	<b>Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước</b>			
rong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử <i>(sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	3	
<b>.2</b>	<b>Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến</b>			
.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	79	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	45	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một</i>	<i>Thủ tục</i>	45	

TT	Chỉ tiêu thống kê  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>			
.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	34	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	34	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		
2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến của cơ quan, đơn vị</i>	<i>Thủ tục</i>	79	
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	79	
.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (chỉ thống kê đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ)	%	43	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	79	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	34	
.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		

